

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2020/HS-ST

Ngày: 30-11-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tiến Dũng.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Quý – Bà Nguyễn Thị Trung Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Út – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Đ – Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 39/2020/TLST-HS ngày 19 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2020/QĐXXST – HS ngày 20 tháng 11 năm 2020 đối với:

1. Bị cáo Nguyễn Duy P, sinh năm 1966; tại: Hà Nội; Nơi cư trú: Thôn A, xã Đ1, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T1 (đã chết) và bà Bùi Thị L3; Vợ: Lê Thị T, sinh năm 1966; Con: Có 04 người con, lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 2000; Tiền án, tiền sự:

Không; Nhân thân: Ngày 28/8/2012, bị Công an huyện Đ xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc, đã chấp hành xong. Ngày 22/4/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt 10.000.000 đồng về tội đánh bạc. Ngày 10/10/2018, bị Công an huyện Đ xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc, đã chấp hành xong.

Hiện bị cáo đang được tại ngoại. “*Có mặt*”.

2. Bị cáo Lê Văn L, sinh năm: 1973; tại: Hà Nội; Nơi cư trú: Thôn B, xã Đ1, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; Nghề Nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 04/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Xuân I (đã chết) và bà Nguyễn Thị L4, sinh năm: 1941; Vợ: Đinh Thị T2 (đã chết); Con: Có 02 người con, con lớn nhất sinh năm 1997, con nhỏ nhất sinh năm 2000; Tiền án; Tiền sự: Không.

Hiện bị cáo đang được tại ngoại. “*Có mặt*”.

3. Bị cáo Nguyễn Khắc C, sinh năm: 1980, tại: Hà Nội; Nơi cư trú: Thôn M, xã Đ1, huyện Đ, tỉnh L1 Đồng; Nghề nghiệp: Thợ xây; Trình độ học vấn: 04/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Khắc T3, sinh năm: 1947 và bà Nguyễn Thị T4, sinh năm: 1945; Vợ: Nguyễn Thị Thu V, sinh năm 1981 (đã ly hôn); Con: Có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: Không;

Hiện bị cáo đang được tại ngoại. “*Có mặt*”.

4. Bị cáo Nguyễn Văn C1, sinh năm: 1986, tại Lâm Đồng; Nơi cư trú: Thôn A, xã Đ1, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Lê Y, sinh năm: 1956 và bà Lưu Thị Đ2, sinh năm: 1952; Vợ: Phạm Thị N, sinh năm 1994; Con: Có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 23/5/2007, bị Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã chấp hành xong.

Hiện bị cáo đang được tại ngoại. “*Có mặt*”.

5. Bị cáo Phạm Văn S, sinh năm: 1964, tại: Hà Nội; Nơi cư trú: Thôn O, xã O1, huyện Đ3, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn Q và bà Trịnh Thị Đ3 (đều đã chết); Vợ: Phạm Lê Thị P, sinh năm 1966; Con: Có 04 người con, lớn nhất sinh năm 1987, nhỏ nhất sinh năm 1995; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 03/6/2011, bị Tòa án nhân dân huyện Đ3, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội đánh bạc, đã chấp hành xong.

Hiện bị cáo đang được tại ngoại. “*Có mặt*”.

6. Bị cáo Trà Minh L1, sinh năm: 1986, tại: Lâm Đồng; Nơi cư trú: Tổ dân phố A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trà Văn C2 (đã chết) và bà Nguyễn Thị M1, sinh năm: 1945; Vợ: Võ Thị H1, sinh năm 1986 (đã ly hôn); Con: Có 01 người con sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo đang được tại ngoại. “*Có mặt*”.

7. Bị cáo Nguyễn Minh K, sinh năm: 1976, tại: Hà Nội; Nơi cư trú: Thôn D, xã Đ1, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Tùng K2 (đã chết) và bà Nguyễn Thị T5, sinh năm: 1947; Vợ: Nguyễn Thị Bích T6, sinh năm 1977; Con: Có 02 người con, lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2002; Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo đang được tại ngoại. “*Có mặt*”.

*** Người làm chứng:**

- Anh Quản Văn H, sinh năm: 1982 “*Có mặt*”

- Bà Lê Thị T, sinh năm: 1966 “*Có mặt*”

Cùng trú tại: Thôn A, xã Đ1, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng gần 12 giờ trưa ngày 12/8/2020, Lê Văn L đến nhà gặp để mượn tiền thì được Nguyễn Duy P cho mượn số tiền 1.800.000 đồng. Khi L và P đang ngồi chơi thì có Nguyễn Khắc C cũng đến nhà tìm P hỏi mượn tiền và được P cho mượn 3.800.000 đồng. Ngay sau đó, có Nguyễn Văn C1 và Phạm Văn S cũng đến nhà chơi nên P rủ mọi người đánh bài ăn tiền thì tất cả đồng ý. Sau đó, P, C, L, C1 và S đi vào phòng ngủ thứ ba trong nhà của P để chơi đánh bài. P mang 02 bộ bài tú lơ khơ nhưng chỉ lấy các quân bài từ “9 đến xì (A)”, 01 chiếc mền (chăn) trải ra dùng làm chiếu bạc, 01 hộp gỗ hình chữ nhật có nắp kéo dùng kéo bài tẩy và 01 lon bằng kim loại (dạng lon sữa đặc) để đựng tiền xâu và thống nhất đánh “xì tẩy” đặt mỗi tẩy là 300.000 đồng để trước mặt trên chiếu bạc, mức tổ từ 10.000 đồng trở lên, tiền tổ không quá tiền tẩy. Vì đã đủ người chơi (quy định đánh xì tẩy chỉ có 04 tụ) nên S ngồi xem. Quá trình đánh bạc ai thắng thì tự nguyện bỏ tiền xâu từ 10.000 đồng đến 20.000 đồng vào trong lon để mua nước uống và thuốc lá về sử dụng chung. Đánh bạc được một lúc thì P nghỉ đi ăn cơm thì S ngồi vào đánh thay vị trí của P và thỏa thuận chơi chung tụ nên P để lại số tiền còn trên chiếu là 1.500.000 đồng, S lấy 700.000 đồng trong ví ra đưa lại cho P. Cùng lúc này, có Nguyễn Minh K và Trà Minh L1 cũng đến và ngồi xem mọi người đánh bạc. Khi thấy L và C1 nghỉ không đánh bạc nữa, thì K vào chơi bài thay chỗ của L, còn L1 vào chơi bài thay chỗ của C1. L ngồi lại xem còn C1 bỏ đi về. Đánh bạc đến 16 giờ cùng ngày thì bị Công an huyện bắt quả tang thu giữ tại chiếu bạc số tiền mặt là 8.880.000 đồng, 01 lon bằng kim loại dạng lon sữa để trên chiếu bạc bên trong có số tiền 70.000 đồng, 48 lá bài tú lơ khơ, 01 hộp gỗ hình chữ nhật có nắp kéo; 01 chiếc mền; 01 bốp da bên trong có số tiền 1.790.000 đồng để sau vị trí ngồi của S; Số tiền 1.270.000 đồng dưới gầm giường sau vị trí ngồi của K.

Ngoài ra, Nguyễn Minh K tự nguyện giao nộp số tiền là 19.810.000 đồng, Phạm Văn S giao nộp số tiền là 1.500.000 đồng và Trà Minh L1 giao nộp số tiền là

210.000 đồng. Đồng thời tạm giữ 03 xe mô tô, gồm: 01 xe nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số: 49M1 - 183.99; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển số: 29Y5 - 453.21 và 01 xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, biển số: 49M4 - 0377 tại sân nhà của Nguyễn Duy P.

Kết quả điều tra đã xác định:

- Đối với Nguyễn Minh P: Khoảng 12 giờ ngày 12/8/2020, P đang ở nhà thì thấy L, C, C1, S đến nhà chơi rồi L và C hỏi vay tiền nên P cho L vay 1.800.000 đồng và cho C vay 3.800.000 đồng. Sau đó, P rủ đánh bài ăn tiền thì tất cả đồng ý. Dụng cụ đánh bạc là của P có sẵn ở trong nhà, P không thu tiền xâu nhưng mọi người thống nhất mỗi ván bài ai thắng thì tự nguyện bỏ từ 10.000 đồng đến 20.000 đồng vào lon để trên chiếu bạc dùng để mua nước uống và thuốc lá sử dụng chung. Khi đánh bạc, P sử dụng số tiền 3.120.000 đồng để đánh bạc thì bị thua còn 1.500.000 đồng nên khi nghỉ đã để lại cho S và thỏa thuận chơi chung nên S đưa lại cho P 700.000 đồng. Quá trình điều tra, P đã tự nguyện giao nộp số tiền 700.000 đồng. Đối với chiếc ví thu giữ bên trong có số tiền 1.790.000 đồng sau vị trí ngồi của S là ví của P để trên nóc tủ, P không sử dụng vào mục đích đánh bạc.

- Đối với Phạm Văn S: Khi đến nhà P chơi thì S có số tiền 2.600.000 đồng nhưng khi mọi người bắt đầu đánh bạc thì S không tham gia mà ngồi xem. Sau đó, P nghỉ đi ăn cơm nên S ngồi thế vào chỗ của P và sử dụng số tiền 1.500.000 đồng mà P để lại để đánh bạc và lấy trong ví ra số tiền 700.000 đồng đưa cho P. Khi đánh thua hết số tiền 1.500.000 đồng, S lấy từ trong ví ra số tiền 400.000 đồng để đánh bạc đến khi bị bắt quả tang thì S đang thắng. Riêng đối với số tiền 1.500.000 đồng, thu giữ trong ví của S có căn cứ xác định S sẽ sử dụng vào việc đánh bạc, vì khi vào tham gia đánh bạc S lấy trong ví ra 700.000 đồng để trả tiền đánh chung tụ cho P và khi thua hết tiền trên chiếu bạc thì S tiếp tục lấy trong ví ra 400.000 đồng để đánh bạc đến khi bắt quả tang.

- Đối với Lê Văn L: Khi đi đến nhà P thì L có số tiền 200.000 đồng và vay của P 1.800.000 đồng. Sau đó, P rủ đánh bạc ăn tiền thì L đồng ý và sử dụng hết 2.000.000 đồng đánh bạc và bị thua hết tiền đã nghỉ đi về nên không bị bắt quả tang.

- Đối với Nguyễn Khắc C: Khi đến và vay được của P số tiền 3.800.000 đồng. Sau đó sử dụng hết số tiền này để đánh bạc và quá trình đánh bạc đã trả cho L1 số tiền 500.000 đồng nợ trước đó. Khi bị bắt quả tang C đang thắng và đang có số tiền 4.500.000 đồng để trên chiếu bạc.

- Đối với Nguyễn Văn C1: Khi tham gia đánh bạc, C1 có 300.000 đồng và sử dụng hết số tiền này để đánh bạc nhưng bị thua hết nên nghỉ đi về nhà, không bị bắt quả tang.

- Đối với Trà Minh L1: Khi đi chơi, L1 có 510.000 đồng và khi tham gia đánh bạc L1 chỉ sử dụng 300.000 đồng để đánh bạc và bị thua. Sau đó, L1 được C trả số tiền 500.000 đồng nên tiếp tục sử dụng số tiền này vào đánh bạc. Như vậy, L1 đã sử dụng 800.000 đồng để đánh bạc. Số tiền còn lại trong túi quần 210.000 đồng không sử dụng để đánh bạc.

- Đối với Nguyễn Minh K: Khi đến nhà P chơi có số tiền 20.110.000 đồng. Khi thấy L nghỉ nên K vào thay chỗ của L và lấy ra 300.000 đồng để đánh bạc và đang thắng được 1.270.000 đồng thì bị bắt quả tang. Khi lực lượng công an vào bắt quả tang K vợ tiền đánh bạc trước mặt nhét vào túi quần sau nhưng sau đó số tiền này rơi ra sau vị trí ngồi của K. Số tiền còn lại 19.810.000 đồng, K để trong ví da trong túi quần và không sử dụng vào việc đánh bạc.

Vì vậy, xác định tổng số tiền Nguyễn Duy P, Lê Văn L, Nguyễn Khắc C, Nguyễn Văn C1, Phạm Văn S, Trà Minh L1, Nguyễn Minh K sử dụng để đánh bạc là 12.420.000 đồng.

Còn số tiền 19.810.000 đồng thu giữ trên người của Nguyễn Minh K và 210.000 đồng thu giữ trên người của Trà Minh L1, 1.790.000 đồng trong ví da sau

vị trí ngôi của S khi bị bắt quả tang không có cơ sở chứng minh là tiền sử dụng vào đánh bạc.

Tại bản Cáo trạng số 39/CT-VKSĐT-TA ngày 19 tháng 11 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh L1 Đồng truy tố các bị cáo Nguyễn Duy P, Lê Văn L, Nguyễn Khắc C, Nguyễn Văn C1, Phạm Văn S, Trà Minh L1, Nguyễn Minh K về tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ nguyên quan điểm truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 35 và Điều 58 của Bộ luật hình sự. Xử phạt các bị cáo Nguyễn Duy P từ 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*) đến 45.000.000 đồng (*Bốn mươi lăm triệu đồng*). Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C1 từ 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*) đến 35.000.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu đồng*).

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35 và Điều 58 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn S từ 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*) đến 35.000.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu đồng*).

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 và Điều 58 của Bộ luật hình sự. Xử phạt các bị cáo Lê Văn L, Nguyễn Khắc C, Trà Minh L1 và Nguyễn Minh K mỗi bị cáo từ 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) đến 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*).

* Về vật chứng vụ án:

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy các vật chứng không còn giá trị sử dụng: 48 lá bài tứ lơ khơ; 01 hộp gỗ hình chữ nhật có nắp kéo; 01 chiếc mền; 01 ống lon dạng lon sữa để trên chiếu bạc.

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền mà các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 12.420.000 đồng.

Áp dụng khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn K số tiền là 19.810.000 đồng, bị cáo Trà Minh L1 số tiền là 210.000 đồng, bị cáo Nguyễn Duy P 01 bóp da bên trong có số tiền là 1.790.000 đồng.

Tại phiên tòa các bị cáo đều đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo ân hận về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Vào khoảng 12 giờ ngày 12/8/2020, Lê Văn L, Nguyễn Khắc C, Phạm Văn S, Nguyễn Văn C1 đến nhà của Nguyễn Duy P ở Thôn 5, xã Đ1, huyện Đ, tỉnh L1 Đồng chơi. Sau đó, P rủ đánh bài ăn tiền thì L, C, C1 đồng ý và đi vào phòng ngủ thứ ba trong nhà của P lấy chiếc mền trải ra sàn nhà, P lấy 02 bộ bài, 01 hộp gỗ có nắp để đánh bạc. Khi bắt đầu đánh bạc có P, L, C1 và C tham gia, còn S ngồi xem. Khi chơi, tất cả thỏa thuận sử dụng bộ bài tứ lơ khơ và chỉ lấy những quân bài từ “9 đến A” để chơi “xì tẩy” và thống nhất “đặt tẩy” 300.000 đồng, tiền đi đường 20.000 đồng, tổ thấp nhất 10.000 đồng và cao nhất 300.000 đồng và đặt 01 lon kim loại (dạng lon sữa đặc) vào giữa chiếu bạc, nếu ai thắng thì tự nguyện bỏ vào lon số tiền 10.000 đồng – 20.000 đồng để trả tiền mua bài và mua nước uống, thuốc lá để sử dụng chung. Sau khi chơi được mấy ván thì P

ngủ và để lại số tiền 1.500.000 đồng cho Phạm Văn S tham gia đánh bạc thay vị trí của P, S lấy số tiền 700.000 đồng trong ví ra đưa cho P để đánh chung tụ với P. Sau đó Trà Minh L1, Nguyễn Minh K cũng đến nhà P chơi, ngồi xem đánh bạc và khi L, C1 ngủ thì L1 và K lần lượt vào đánh bạc thay chỗ của L và C1. Đánh bạc đến khoảng 16 giờ cùng ngày thì bị Công an kiểm tra, bắt quả tang, thu giữ tang vật là các công cụ sử dụng để đánh bạc và số tiền được xác định sử dụng để đánh bạc là 12.420.000 đồng.

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng, lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, tang vật thu giữ cùng các tài liệu chứng cứ khác được phản ánh trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Hành vi của các bị cáo Nguyễn Duy P, Lê Văn L, Nguyễn Khắc C, Nguyễn Văn C1, Phạm Văn S, Trà Minh L1, Nguyễn Minh K phạm tội: “Đánh bạc” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Hành vi đánh bạc trái phép mà các bị cáo đã cố ý thực hiện với động cơ sát phạt lẫn nhau được thua bằng tiền nhằm tước đoạt tiền bạc của nhau là hành vi vi phạm pháp luật, là tệ nạn xã hội, Nhà nước nghiêm cấm đánh bạc dưới mọi hình thức. Đánh bạc là nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn gia đình và các loại tội phạm khác ngoài xã hội, hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự và nếp sống văn minh tại địa P. Trong vụ án này, các bị cáo cùng tham gia thực hiện tội phạm một cách tích cực, không có sự xúi giục và không có câu kết chặt chẽ vai trò của từng người, do đó đây là vụ án mang tính đồng phạm giản đơn, cùng cố ý thực hiện. Vì vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với hành vi phạm tội mà từng bị cáo đã thực hiện. Xét vai trò, trách nhiệm của từng bị cáo trong vụ án thấy rằng:

Đối với bị cáo Nguyễn Duy P, bị cáo sử dụng số tiền 3.120.000 đồng để đánh bạc, về nhân thân: Ngày 28/8/2012, bị Công an huyện Đ xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc, đã chấp hành xong. Ngày 22/4/2014, bị Tòa án nhân dân huyện

Đ xử phạt 10.000.000 đồng về tội đánh bạc. Ngày 10/10/2018, bị Công an huyện Đ xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc, đã chấp hành xong. Bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại tiếp tục có hành vi phạm tội. Bị cáo là người rủ các bị cáo khác, chuẩn bị công cụ thể thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, cần áp dụng một mức hình phạt nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn C1 sử dụng hết số tiền 300.000 đồng để đánh bạc nhưng bị thua hết nên nghỉ đi về nhà, không bị bắt quả tang, về nhân thân: Ngày 23/5/2007, bị Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã chấp hành xong. Bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại tiếp tục có hành vi phạm tội. Do vậy, cần áp dụng một mức hình phạt nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Phạm Văn S sử dụng số tiền 2.600.000 đồng để đánh bạc, về nhân thân: Ngày 03/6/2011, bị Tòa án nhân dân huyện Đa Huoai, tỉnh L1 Đồng xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội đánh bạc, đã chấp hành xong. Bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại tiếp tục có hành vi phạm tội. Do vậy, cần áp dụng một mức hình phạt nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét thấy các bị cáo Lê Văn L, Nguyễn Khắc C, Trà Minh L1, Nguyễn Minh K cùng tham gia một cách tích cực vào việc thực hiện tội phạm. Do đó, khi quyết định hình phạt cần căn cứ vào vai trò, mức độ thực hiện hành vi của từng bị cáo để

quyết định mức hình phạt tương xứng. Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo, vì: Các bị cáo Lê Văn L, Nguyễn Khắc C, Trà Minh L1, Nguyễn Minh K thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra các bị cáo cũng chưa có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt. Do đó, xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt Ch là phạt tiền đối với các bị cáo, với số tiền nhất định tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo để sung vào ngân sách nhà nước, cũng đủ để cải tạo, răn đe đối với các bị cáo đồng thời phòng ngừa chung trong cộng đồng.

[3] Về vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra đã tạm giữ các vật chứng sau:

+ 48 lá bài tứ lơ khơ; 01 (một) hộp gỗ hình chữ nhật có nắp kéo; 01 (một) chiếc mền; 01 ống lon dạng lon sữa để trên chiếu bạc. Xét thấy, đây là những vật chứng các bị cáo dùng làm công cụ phạm tội, cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Số tiền 12.420.000 đồng. Xét thấy đây là số tiền thu trên chiếu bạc và tiền các bị cáo dùng để đánh bạc, cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước là phù hợp khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Số tiền 19.810.000 đồng thu giữ trên người của Nguyễn Minh K và 210.000 đồng thu giữ trên người của Trà Minh L1, 1.790.000 đồng trong ví da sau vị trí ngồi của S khi bị bắt quả tang của Nguyễn Duy P. Xét thấy không có cơ sở chứng minh là tiền sử dụng vào đánh bạc, cần trả lại cho Nguyễn Minh K, Trà Minh L1, Nguyễn Duy P là phù hợp khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo Thi hành án. Trả lại cho Nguyễn Duy P 01 bóp da bò, trả lại chi Nguyễn Minh K 01 bóp da nâu đen và cho Nguyễn Văn S 01 bóp da màu đen.

[4] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Duy P, Lê Văn L, Nguyễn Khắc C, Nguyễn Văn C1, Phạm Văn S, Trà Minh L1, Nguyễn Minh K phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 35 và Điều 58 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy P số tiền 45.000.000 đồng (*Bốn mươi lăm triệu đồng*) để sung quỹ Nhà nước. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C1 số tiền 35.000.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu đồng*) để sung quỹ Nhà nước.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35 và Điều 58 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn S 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*) để sung quỹ Nhà nước.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 và Điều 58 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn L số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) để sung quỹ Nhà nước. Xử phạt bị cáo Nguyễn Khắc C, Trà Minh L1 và Nguyễn Minh K mỗi bị cáo phải nộp số tiền 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*) để sung quỹ Nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy các vật chứng sau: 48 lá bài tú lơ khơ; 01 (một) hộp gỗ hình chữ nhật có nắp kéo; 01 (một) chiếc mền; 01 ống lon dạng lon sữa để trên chiếu bạc.

Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Căn cứ điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 12.420.000 đồng (*Mười hai triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng*).

Trả lại số tiền 19.810.000 đồng thu giữ trên người của Nguyễn Minh K, 210.000 đồng thu giữ trên người của Trà Minh L1 và 1.790.000 đồng trong ví da sau của Nguyễn Duy P. Tổng cộng 21.810.000 đồng.

Hiện những vật chứng trên đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 20/10/2020; Đối với số tiền 12.420.000 đồng (*Mười hai triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng*) và số tiền 21.810.000 đồng (*Hai mươi một triệu tám trăm mười nghìn đồng*) trên hiện đang được tạm giữ tại tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ số: 3949.0.1098084.00000 mở tại Kho bạc Nhà nước huyện Đ theo giấy ủy nhiệm chi lập ngày 20/11/2020. Tiếp tục tạm giữ số tiền 21.810.000 đồng (*Hai mươi một triệu tám trăm mười nghìn đồng*) để đảm bảo cho việc thi hành án. Trả lại cho Nguyễn Duy P 01 bóp da bò, trả lại chi Nguyễn Minh K 01 bóp da nâu đen và cho Nguyễn Văn S 01 bóp da màu đen.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Nguyễn Duy P, Nguyễn Khắc C, Nguyễn Văn C1, Phạm Văn S, Trà Minh L1, Nguyễn Minh K mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm. Miễn tiền án phí Hình sự cho bị cáo Lê Văn L thuộc trường hợp hộ cận nghèo.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Các bị cáo;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(*Đã ký tên và đóng dấu*)

Lê Tiến Dũng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Kim Quý – Nguyễn Thị Trung Lan

Lê Tiến Dũng

